

**TÒA PHÚC THẨM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 166/2026/HC-PT
Ngày: 10/3/2026
V/v khiếu kiện hành vi hành chính trong
lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Khoa

Các Thẩm phán:

Ông Ngô Mạnh Cường

Ông Phạm Văn Công

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Châu Loan, Thư ký viên Tòa Phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Đăng R, Kiểm sát viên.

Ngày 10/3/2026, tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 244/2025/TLPT-HC ngày 25/10/2025, về việc “Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 54/2025/HC-ST ngày 28/4/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 71/2026/QĐXX-PT ngày 04/02/2026, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Phạm Thị Tuyết L, sinh năm 1986; Địa chỉ: Ấp B, xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang - nay là Đặc khu P, tỉnh An Giang (vắng mặt);

Người đại diện hợp pháp của bà Phạm Thị Tuyết L: Bà Huỳnh Thị Mỹ N, sinh năm 1990; Địa chỉ: Tổ A, ấp S, xã D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang - nay là Đặc khu P, tỉnh An Giang (Văn bản ủy quyền ngày 14/3/2025 tại Văn phòng C, có mặt).

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Ủy ban nhân dân Đ, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Minh K; Chức vụ: Chủ tịch (vắng mặt);

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Lê Quốc T; Chức vụ: Phó Chủ tịch (Văn bản uỷ quyền số 02/GUQ-UBND ngày 05/01/2026, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Trần Thanh H; Chức vụ: Phó Trưởng ban bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Đặc khu P (có mặt).

- *Người kháng cáo:* UBND thành phố P là người bị kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Bà Phạm Thị Tuyết L và người đại diện hợp pháp của bà L trình bày:*

Bà L có thửa đất diện tích 5.265,37m² loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại khu phố G, phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Để thực hiện Dự án khu đô thị C tại phường A, thành phố P. Ngày 29/12/2021, UBND thành phố P ban hành Quyết định số 6785/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của bà L với diện tích 5.000,07m² và Quyết định số 6784/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của bà L với diện tích 265,30m² tọa lạc tại khu phố G, phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang (viết tắt là Quyết định số 6784, Quyết định số 6785).

Ngày 10/01/2022, UBND thành phố P ban hành Quyết định số 41/QĐ-UBND về việc hỗ trợ đất đai, bồi thường cây trồng cho bà L. Quyết định không bồi thường đối với diện tích đất bị thu hồi (viết tắt là Quyết định số 41).

Bà L không đồng ý với Quyết định hỗ trợ trên nên bà đã khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc UBND thành phố P ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất bị thu hồi theo quy định pháp luật. Đồng thời hủy Quyết định số 41.

Nguồn gốc diện tích 5.265,37m² đất là do ông Nguyễn Văn T1 khai khẩn sử dụng từ năm 1997 để trồng hoa màu, đến năm 2000 trồng tràm bông vàng. Đến năm 2003, ông T1 chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn S toàn bộ diện tích 14.000m², ông S tiếp tục lên líp trồng thêm tràm bông vàng. Ông S sử dụng đến năm 2015 thì chuyển nhượng cho ông Phạm Văn M diện tích 5.000m² và trong năm 2015 thì ông M chuyển nhượng lại cho bà L sử dụng đến khi Nhà nước thu hồi đất.

Tại Bản án sơ thẩm số 148/2022/HC-ST ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang và Bản án phúc thẩm số 325/2023/HC-PT ngày 15/5/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L (viết tắt là Bản án sơ thẩm số 148, Bản án phúc thẩm số 325).

Ngày 29/12/2023 UBND thành phố P ban hành Quyết định số 7707/QĐ-UBND về việc bổ sung bồi thường đất đai, cây trồng, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, hỗ trợ ổn định đời sống cho bà Phạm Thị Tuyết L: Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là 10.260.675.480 đồng (viết tắt là Quyết định số 7707).

Theo Quyết định số 7707 nêu trên thì UBND thành phố P chưa xem xét hỗ trợ hệ số 1,5 điều chỉnh giá đất tại khu vực phường A cho gia đình bà L là chưa thực hiện hết các chính sách tại thời điểm thu hồi đất. Vì toàn bộ dự án các hộ dân đều được hưởng hệ số 1,5 giá đất bồi thường và căn cứ theo Quyết định số 26/2020/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 của UBND tỉnh K về ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang có nhân hệ số 1,5 (viết tắt là Quyết định số 26), nhưng trong Quyết định số 7707 nêu trên chưa nhân hệ số 1,5 cho bà là còn thiếu sót, chưa đảm bảo quyền lợi đầy đủ cho bà L như các hộ dân khác. Lẽ ra, bà yêu cầu hủy Quyết định số 7707 để ban hành lại quyết định mới có nhân hệ số 1,5 giá bồi thường nhưng bà L xét thấy các chính sách khác trong Quyết định số 7707 đã đầy đủ nên bà chỉ khởi kiện yêu cầu UBND thành phố P bổ sung chính sách nhân hệ số cho bà đối với diện tích đất bị thu hồi.

Bà L khởi kiện yêu cầu:

Buộc UBND thành phố P thực hiện nhiệm vụ, công vụ ban hành Quyết định bổ sung bồi thường, hỗ trợ cho bà L đối với diện tích đất bị thu hồi theo hệ số điều chỉnh giá đất tại khu vực phường A là 1,5 theo chính sách hỗ trợ tại thời điểm thu hồi đất của UBND tỉnh K.

- Ủy ban nhân dân thành phố P có Văn bản ý kiến đối với đơn kiện của bà Phạm Thị Tuyết L như sau:

Trên cơ sở Bản án sơ thẩm số 148 và Bản án phúc thẩm số 325, UBND thành phố P thống nhất lập phương án bồi thường đất đai, cây trồng, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, hỗ trợ ổn định đời sống đối với diện tích 5.265,37m² cho bà L.

Ngày 26/12/2023, UBND thành phố P ban hành Quyết định số 7393/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bổ sung kinh phí bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án khu đô thị C tại khu phố G, phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang (viết tắt là Quyết định số 7393).

Ngày 29/12/2023, UBND thành phố P ban hành Quyết định số 7707 về việc phê duyệt phương án bổ sung bồi thường đất đai, cây trồng, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, hỗ trợ ổn định đời sống cho bà L. Theo phương án được phê duyệt (đính kèm theo phương án), bà L được bồi thường và hỗ trợ diện tích 5.265,37m² với tổng số tiền 10.260.675.480 đồng (trong đó: bồi thường đất đai: 6.016.101.200 đồng; bồi thường cây trồng: 7.460.000 đồng; hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: 4.229.801.600 đồng; hỗ trợ ổn định đời sống: 7.312.680 đồng).

Cụ thể chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm được áp dụng như sau:

- Diện tích 3.497,9m² (CLN.VT1) x (300.000 x 3) = 3.148.110.000 đồng;
- Diện tích 1.767,47m² (CLN.VT2) x (204.000 x 3) = 1.081.691.600 đồng;

- Tổng số tiền chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm là 4.229.801.600 đồng.

Đơn giá đất hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm thì UBND thành phố đã thực hiện theo Bảng giá đất do UBND tỉnh K ban hành tại Quyết định 03/2020/QĐ-UBND ngày 13/01/2020 của UBND tỉnh K về việc ban hành quy định bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang (viết tắt là Quyết định số 03).

Việc UBND thành phố áp giá hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho bà L là phù hợp với quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ; Điều 6 Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ T2; Điều 3 Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ T2; khoản 4 Điều 1 Quyết định số 02/2022/QĐ-UBND ngày 25/01/2022 của UBND tỉnh K sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang ban hành kèm theo Quyết định số 26/2020/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 của UBND tỉnh K.

Ngày 23/01/2024, tại Ban bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tiến hành lập biên bản triển khai Thông báo và bàn giao Quyết định số 7707 cho bà L. Đồng thời bà L cũng nhận tiền bồi thường đất đai, cây trồng, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, hỗ trợ ổn định đời sống.

Do đó, việc bà L yêu cầu hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với diện tích 5.265,37m² có nhân thêm hệ số 1,5 giá bồi thường căn cứ theo Quyết định số 26/2020/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 của UBND tỉnh K là không phù hợp, vì tại thời điểm phê duyệt phương án cho bà L Quyết định số 26/2020/QĐ-UBND (như nêu trên) đã được điều chỉnh, sửa đổi bởi Quyết định số 02/2022/QĐ-UBND ngày 25/01/2022 của UBND tỉnh K. Cụ thể như khoản 4 Điều 1 Quyết định số 02/2022/QĐ-UBND là “Sửa đổi khoản 2 Điều 17 như sau:

“2. Mức hỗ trợ

Hỗ trợ bằng tiền bằng 03 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh Q đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi; diện tích được hỗ trợ không vượt quá 02 hecta”.

Từ những căn cứ nêu trên, UBND thành phố P đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang bác toàn bộ nội dung khởi kiện của bà L.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 54/2025/HC-ST ngày 28/4/2025, Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 30, Điều 32, Điều 116, Điều 193, Điều 194 của Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ vào các Điều 62, 74, 75, 77, 92 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 34 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ vào Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ vào Nghị định số 01/0217/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ vào Quyết định số 02/2022/QĐ-UBND ngày 25/01/2022 về sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ vào Quyết định số ngày 22/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh K;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Tuyết L.

Buộc Ủy ban nhân dân thành phố P thực hiện nhiệm vụ, công vụ ban hành Quyết định bổ sung hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho bà Phạm Thị Tuyết L đối với diện tích đất bị thu hồi 5.265,37m² tại khu phố G, phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang nhân với hệ số điều chỉnh là 1,5, khấu trừ số tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm 4.229.801.600 đồng bà L đã nhận theo Quyết định số 7707/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND thành phố P.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/6/2025, UBND thành phố P kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L.

Diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm: Bà Huỳnh Thị Mỹ N là người đại diện hợp pháp của bà Phạm Thị Tuyết L không thay đổi, bổ sung, không rút đơn khởi kiện; người bị kiện vắng mặt tại phiên tòa nên không thể hiện ý kiến; các đương sự không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới và không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Trong phần tranh luận, các đương sự trình bày như sau:

1. Ông Trần Thanh H là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện:

- Tại điều khoản chuyển tiếp của Quyết định số 02/2022/QĐ-UBND ngày 25/01/2022 của UBND tỉnh K quy định: Đối với các dự án đã có quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường trước ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật thì tiếp tục thực hiện theo phương án đã phê duyệt. Đất của bà L bị thu hồi năm 2021 và đã được phê duyệt theo Quyết định số 41. Mặc dù quyết định này đã bị huỷ bởi Bản án phúc thẩm số 325 nhưng vẫn tồn tại quyết định thu hồi đất.

- Tại Điều 2 của Quyết định số 12/2022/QĐ-UBND ngày 19/6/2022 của UBND tỉnh K về việc quy định điều chỉnh hệ số giá đất năm 2022 có quy định 06 trường hợp được điều chỉnh hệ số giá đất thì không áp dụng cho việc bồi thường khi thu hồi đất.

Do đó, việc bà L yêu cầu điều chỉnh hệ số chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của UBND thành phố P, sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L.

2. Bà Huỳnh Thị Mỹ N: Xin bảo lưu toàn bộ ý kiến đã trình bày tại cấp sơ thẩm và đã được bản án sơ thẩm ghi nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của UBND thành phố P và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến như sau:

1. Việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ và chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính từ giai đoạn thụ lý đến giai đoạn xét xử phúc thẩm.

2. Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của UBND thành phố P làm trong hạn luật định, đúng hình thức. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận về mặt hình thức.

3. Về nội dung kháng cáo: Bản án sơ thẩm đã xem xét, đánh giá một cách khách quan, toàn diện các chứng cứ và tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho UBND thành phố P không cung cấp được chứng cứ nào mới so với cấp sơ thẩm. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người bị kiện và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của UBND thành phố P làm trong hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: UBND Đặc khu P, tỉnh An Giang là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của UBND thành phố P, tỉnh Kiên Giang tham gia tố tụng với tư cách là người bị kiện và uỷ quyền hợp pháp cho ông Nguyễn Lê Quốc T. Ông T có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người bị kiện theo quy định tại khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

[3] Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án: Quyết định số 7707/QĐ-UBND của UBND thành phố P được ban hành ngày 29/12/2023, có nội dung bổ sung bồi thường đất đai, cây trồng, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, hỗ trợ ổn định đời sống cho bà Phạm Thị

Tuyệt L với tổng số tiền 10.260.675.480 đồng. Bà L cho rằng quyết định này chưa bảo đảm quyền lợi của bà nên ngày 14/10/2024 khởi kiện yêu cầu UBND thành phố P ban hành quyết định bổ sung bồi thường, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho bà L đối với diện tích đất bị thu hồi theo hệ số điều chỉnh giá đất tại khu vực phường A là 1,5 theo chính sách hỗ trợ tại thời điểm thu hồi đất của UBND tỉnh K. Đây là việc khiếu kiện hành vi hành chính của cơ quan quản lý Nhà nước cấp huyện trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang (nay là Tòa án nhân dân tỉnh An Giang) thụ lý và xét xử vụ án là đúng quan hệ pháp luật, đúng thẩm quyền và còn trong thời hiệu khởi kiện, phù hợp với các quy định tại các khoản 3, 4 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

[4] Xét kháng cáo của UBND thành phố P, nhận thấy:

[4.1] Bà L bị thu hồi tổng cộng 5.266m² đất bởi 02 quyết định cùng được ban hành ngày 29/12/2021 là Quyết định số 6784 và Quyết định số 6785.

Tại thời điểm thu hồi đất thì Quyết định số 26/2020/QĐ-UBND ngày 22/12/2020, Bảng giá đất ban hành kèm theo Quyết định số 03/2020/QĐ-UBND ngày 13/01/2020 và Quyết định số 05/2021 ngày 24/6/2021 của UBND tỉnh K đang có hiệu lực pháp luật.

Tại khoản 2 Điều 17 của Quyết định số 26/2020/QĐ-UBND quy định người có đất bị thu hồi được hỗ trợ 03 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất và nhân với hệ số điều chỉnh hàng năm.

Tại Bảng giá đất ban hành kèm theo Quyết định 03/2020/QĐ-UBND quy định đất trồng cây lâu năm tại khu vực A, vị trí 1 là 300.000 đồng/m² và vị trí 2 là 204.000 đồng/m².

Tại Quyết định số 05/2021/QĐ-UBND thì hệ số điều chỉnh giá đất đối với P, khu vực đô thị là 1.5.

[4.2] Quyết định số 7707 được ban hành ngày 29/12/2023, có áp dụng giá đất theo Bảng giá ban hành kèm theo Quyết định số 03/2020/QĐ-UBND, hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp cũng theo quyết định này, nhưng đã không áp dụng hệ số điều chỉnh 1,5 theo Quyết định số 05/2021/QĐ-UBND. Việc UBND thành phố P viện dẫn quy định tại khoản 4 Điều 1 Quyết định 02/2022/QĐ-UBND ngày 25/01/2022 (có hiệu lực ngày 10/02/2022 và hết hiệu lực ngày 20/10/2024) để không áp dụng hệ số điều chỉnh 1,5 lần cho bà L là không đúng quy định của pháp luật. Bởi như phần trên đã xác định đất của bà L bị thu hồi năm 2021 và tại khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai năm 2013 quy định “2. Việc bồi thường được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất”. Việc đến năm 2023, UBND thành phố P mới ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ cho bà L là do lỗi của UBND thành phố P, làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của bà L.

[5] Từ những nhận định trên, nhận thấy bản án sơ thẩm tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND thành phố P không cung cấp được chứng cứ nào mới so với cấp sơ thẩm. Do đó, kháng cáo của UBND thành phố P là không có căn cứ để chấp nhận. Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa.

[6] Tuy nhiên, nhận thấy phần nhận định và quyết định của bản án sơ thẩm đã tính toán số tiền hỗ trợ một cách cụ thể là không đúng theo quy định, mà việc này thuộc nhiệm vụ, công vụ của người bị kiện. Do đó, cần điều chỉnh lại cho phù hợp.

[7] Về án phí hành chính phúc thẩm: UBND thành phố P phải nộp 300.000 đồng.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng Hành chính,

Không chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang - nay là Ủy ban nhân dân Đ, tỉnh An Giang. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 54/2025/HC-ST ngày 28/4/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang - nay là tỉnh An Giang.

Căn cứ vào các khoản 3, 4 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ vào các Điều 62, 74, 75, 77, 92 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 34 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ vào Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ vào Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ vào Quyết định số 02/2022/QĐ-UBND ngày 25/01/2022 về sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ vào Quyết định số ngày 22/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh K;

Căn cứ vào Quyết định số 05/2021/QĐ-UBND ngày 24/6/2021 của UBND tỉnh K;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Tuyết L.

Buộc Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang - nay là Ủy ban nhân dân Đ, tỉnh An Giang phải thực hiện nhiệm vụ công vụ, ban hành quyết định bổ sung hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho bà Phạm Thị Tuyết L đối với diện tích đất bị thu hồi theo Quyết định số 6784/QĐ-UBND và Quyết định số 6785/QĐ-UBND cùng ngày 29/12/2021 của UBND thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về án phí hành chính phúc thẩm: Ủy ban nhân dân thành phố P - nay là Ủy ban nhân dân Đ, tỉnh An Giang phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0013458 ngày 27/6/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang (nay là Thi hành án dân sự tỉnh An Giang). Ủy ban nhân dân Đ đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện CT và KSXXPT tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- THADS tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, HCTP (NTCL).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Văn Khoa